

Số: 23 /2026/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 13 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước
trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh
sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thanh tra số 84/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14;

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi
Luật số 76/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi
Luật số 56/2024/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 216/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và
hướng dẫn thi hành Luật Thanh tra;*

*Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi
hành một số điều của Luật Đầu tư;*

Căn cứ Nghị định số 168/2025/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp;

*Căn cứ Nghị định số 122/2021/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành
chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư;*

*Căn cứ Thông tư số 68/2025/TT-BTC ban hành biểu mẫu sử dụng trong
đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1070/TTr-STC
ngày 31/01/2026;*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế phối hợp giữa
các cơ quan quản lý Nhà nước trong công tác quản lý Nhà nước đối với doanh
nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa các
cơ quan quản lý Nhà nước trong công tác quản lý Nhà nước đối với doanh
nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2026.

2. Các Quyết định sau đây hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 11/2019/QĐ-UBND ngày 08/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Quy chế phối hợp giữa các cấp, các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

b) Quyết định số 33/2023/QĐ-UBND ngày 17/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

c) Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 30/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh Nam Định trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Thủ trưởng cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý Nhà nước cấp Trung ương đặt tại tỉnh Ninh Bình; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Ninh Bình;
- VPUB tỉnh: CVP, các PCVP;
- Trung tâm thông tin - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT; VP5,4,8.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Song Tùng



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Phối hợp giữa các cơ quan quản lý Nhà nước trong công tác quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Ninh Bình
(Ban hành kèm theo Quyết định số 23../2026 /QĐ-UBND ngày 13/.02/.2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định mục tiêu, nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, trong việc:

1. Trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh;
2. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh;
3. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; xử lý vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài.
4. Báo cáo tình hình thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan chuyên môn, cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.
2. Cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương đặt tại tỉnh;
3. Ủy ban nhân dân xã, phường (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã);
4. Các doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh;
5. Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Cung cấp thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh* là việc cơ quan quản lý nhà nước được yêu cầu, trong phạm vi chức năng quản lý nhà nước của mình và theo quy định của pháp luật, gửi thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh có nội dung, phạm vi xác định tới cơ quan yêu cầu để phục vụ công tác quản lý nhà nước về doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

2. *Trao đổi thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh* là việc hai hay nhiều cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý nhà nước cung cấp thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc phạm vi quản lý cho nhau một cách liên tục hoặc theo định kỳ.

3. *Công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh* là việc cơ quan nhà nước, căn cứ vào chức năng quản lý của mình và theo quy định của pháp luật, cung cấp, phổ biến thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh một cách rộng rãi, không thu phí.

4. *Thanh tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh* là việc xem xét, đánh giá, xử lý theo trình tự, thủ tục được quy định tại Luật Thanh tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với việc thực hiện pháp luật, chính sách, quyền hạn, nghĩa vụ của doanh nghiệp, hộ kinh doanh và cá nhân, tổ chức có liên quan.

5. *Kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh* là việc cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền xem xét, đánh giá việc thực hiện pháp luật, chính sách, quyền hạn, nghĩa vụ của doanh nghiệp, hộ kinh doanh và cá nhân, tổ chức có liên quan.

6. *Cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý nhà nước* là cơ quan quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 2 Quy chế này.

7. *Đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp* là chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh do doanh nghiệp thành lập.

Điều 4. Mục tiêu của việc phối hợp của các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập theo hướng:

a) Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan trong quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

b) Phân định trách nhiệm giữa các cơ quan quản lý Nhà nước trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

c) Khắc phục tình trạng chồng chéo trong hoạt động thanh tra, kiểm tra của các cơ quan trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

2. Phát hiện và xử lý kịp thời những doanh nghiệp, hộ kinh doanh vi phạm pháp luật nhằm ngăn chặn và hạn chế những tác động tiêu cực.

3. Góp phần xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi, tạo điều kiện cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

4. Tăng cường vai trò giám sát của xã hội đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

Điều 5. Nguyên tắc phối hợp

1. Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải được phân định rõ ràng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cấp, từng cơ quan quản lý nhà nước cụ thể. Các cơ quan nhà nước quản lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo từng ngành, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh. Doanh nghiệp, hộ kinh doanh kinh doanh đa ngành, nghề chịu sự quản lý của nhiều cơ quan nhà nước; mỗi cơ quan chịu trách nhiệm quản lý hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo từng ngành, lĩnh vực tương ứng.

2. Trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh, phải đảm bảo chính xác, đầy đủ, kịp thời. Yêu cầu trao đổi, cung cấp thông tin phải căn cứ vào nhu cầu quản lý nhà nước phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan yêu cầu. Việc sử dụng thông tin doanh nghiệp hộ kinh doanh phải tuân thủ theo quy định của pháp luật.

3. Phối hợp trong thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời; không trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung thanh tra, kiểm tra trong cùng thời gian giữa các cơ quan thực hiện thanh tra, kiểm tra; giảm thiểu đến mức tối đa sự phiền hà, cản trở hoạt động bình thường của doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

4. Không làm phát sinh thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh hoạt động theo quy định của pháp luật.

Chương II

TRAO ĐỔI, CUNG CẤP, CÔNG KHAI THÔNG TIN DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH

Điều 6. Nội dung thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. *Thông tin đăng ký* doanh nghiệp, hộ kinh doanh bao gồm các thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;

thông tin về đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp và các thông tin đăng ký khác của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. *Thông tin về tình trạng pháp lý* của doanh nghiệp, hộ kinh doanh bao gồm:

a) Đối với doanh nghiệp: đang hoạt động; tạm ngừng kinh doanh; không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký; bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế; đang làm thủ tục giải thể, bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập; đang làm thủ tục phá sản; đã giải thể, phá sản, chấm dứt tồn tại.

b) Đối với hộ kinh doanh: đang hoạt động; tạm ngừng kinh doanh; bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế; không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký; đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động; đã chấm dứt hoạt động.

3. *Thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh* của doanh nghiệp, hộ kinh doanh bao gồm: báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính, doanh thu, sản lượng, số lao động, xuất khẩu, nhập khẩu và các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh khác của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật.

4. *Thông tin về xử lý vi phạm* đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh kinh doanh vi phạm pháp luật, bao gồm: Kết luận và kết quả xử lý của cơ quan quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh vi phạm quy định của pháp luật về doanh nghiệp, hộ kinh doanh, về quản lý thuế và pháp luật chuyên ngành khác.

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước trong việc trao đổi, cung cấp nội dung thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh

a) Sở Tài chính (Phòng Doanh nghiệp) là đầu mối trao đổi, cung cấp, công khai thông tin đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thông qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp tại địa chỉ <https://dangkykinhdoanh.gov.vn>.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã là đầu mối trao đổi, cung cấp, công khai thông tin đăng ký của hộ kinh doanh trên phạm vi địa bàn cấp xã được lưu trữ công khai tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hộ kinh doanh.

c) Sở Tài chính và Thuế tỉnh thường xuyên đối chiếu thông tin về đăng ký doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ lưu trữ về đăng ký doanh nghiệp với thông tin cơ quan thuế cung cấp về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp.

d) Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật đề nghị Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp xã cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hộ kinh doanh trong phạm vi địa phương quản lý nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước.

2. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, hộ kinh doanh

a) Sở Tài chính là đầu mối cung cấp, công khai thông tin về tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh được công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp tại địa chỉ <https://dangkykinhdoanh.gov.vn>.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã là đầu mối cung cấp, công khai thông tin về tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh trên địa bàn quản lý.

c) Sở Tài chính và Thuế tỉnh có trách nhiệm phối hợp trao đổi thông tin về tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước về doanh nghiệp, bao gồm công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

d) Ủy ban nhân dân cấp xã và Thuế tỉnh có trách nhiệm phối hợp trao đổi thông tin về tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh trên địa bàn quản lý để phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước về hộ kinh doanh, bao gồm công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh

a) Các cơ quan quản lý nhà nước chủ động xây dựng cơ sở dữ liệu về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh hoạt động trong ngành, lĩnh vực được giao quản lý; có trách nhiệm cung cấp thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo ngành, lĩnh vực được giao quản lý với Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp xã, Thuế tỉnh và các cơ quan quản lý nhà nước khác để phục vụ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả nhiệm vụ quản lý nhà nước về doanh nghiệp, hộ kinh doanh, đồng thời giảm thiểu nghĩa vụ kê khai, báo cáo của doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

b) Các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện công khai thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm theo dõi, quản lý tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn quản lý để phối hợp trao đổi, cung cấp thông tin cho các cơ quan quản lý nhà nước.

4. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý Nhà nước trong việc công khai thông tin xử lý vi phạm đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh kinh doanh vi phạm pháp luật

a) Sở Tài chính là đầu mối, có trách nhiệm công khai thông tin doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có hành vi vi phạm các quy định của Luật Doanh nghiệp trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính tại địa chỉ <https://stc.ninhbinh.gov.vn>.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã là đầu mối, có trách nhiệm công khai thông tin hộ kinh doanh trên địa bàn quản lý có hành vi vi phạm pháp luật về hộ kinh doanh trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã.

c) Thuế tỉnh là đầu mối, có trách nhiệm công khai thông tin các doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh có hành vi vi phạm pháp luật về thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và theo hướng dẫn của Tổng cục Thuế trên trang thông tin điện tử của Thuế tỉnh.

d) Cơ quan quản lý nhà nước khác, ngoài các cơ quan quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này, là đầu mối, có trách nhiệm công khai thông tin các doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh có hành vi vi phạm pháp luật chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý trên trang thông tin điện tử của mình.

Điều 8. Hình thức, phương tiện trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Khuyến khích các cơ quan quản lý nhà nước ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh, qua mạng điện tử kết nối giữa các Hệ thống thông tin của các cơ quan quản lý.

Trong trường hợp cần thiết theo nhu cầu quản lý và sử dụng thông tin hoặc do yếu tố kỹ thuật, các bên có thể trao đổi thông tin qua thư điện tử (email), truyền tập tin (file) dữ liệu điện tử hoặc các hình thức khác.

2. Việc công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh được thực hiện trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; Trang thông tin điện tử của Sở Tài chính, trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã và trang thông tin điện tử của các cơ quan có liên quan.

3. Sở Tài chính, UBND cấp xã phối hợp với Cục Phát triển doanh nghiệp tư nhân và kinh tế tập thể thuộc Bộ Tài chính xây dựng, quản lý, vận hành Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; thực hiện việc chuẩn hóa dữ liệu, cập nhật dữ liệu đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Chương III

PHỐI HỢP TRONG CÔNG TÁC THANH TRA, KIỂM TRA, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP, GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH VÀ XỬ LÝ VI PHẠM CỦA DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN VÀ ĐIỀU KIỆN TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Điều 9. Nội dung phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và xử lý vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài

1. Nội dung phối hợp trong thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh bao gồm: phối hợp xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh; phối hợp tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

2. Nội dung phối hợp trong thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh bao gồm: phối hợp xác định vi phạm thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

3. Nội dung phối hợp trong xử lý vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài gồm: phối hợp xử phạt doanh nghiệp, hộ kinh doanh; yêu cầu doanh nghiệp, hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài nhưng không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước trong việc phối hợp xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Thanh tra tỉnh xây dựng dự thảo kế hoạch thanh tra báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý về chủ trương, ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra.

Thanh tra tỉnh xây dựng, đưa nội dung thanh tra đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh vào kế hoạch thanh tra hằng năm trên cơ sở căn cứ vào định hướng chương trình thanh tra, hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ, yêu cầu của nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và công tác quản lý thuộc phạm vi quản lý của ngành, lĩnh vực và địa phương

và đề nghị của các cơ quan quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 2 Quy chế này. Kế hoạch thanh tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh có thể được xây dựng độc lập hoặc lồng ghép trong các nội dung của kế hoạch thanh tra của tỉnh.

2. Các cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm xây dựng kế hoạch kiểm tra theo thẩm quyền và chức năng, nhiệm vụ được giao

Các cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm xây dựng kế hoạch kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh hàng năm trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Trong kế hoạch kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh hàng năm, các cơ quan quản lý nhà nước và Ủy ban nhân dân cấp xã phải xác định cụ thể doanh nghiệp, hộ kinh doanh dự kiến kiểm tra.

Kế hoạch kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước phải được gửi đến Thanh tra tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan để phối hợp xử lý chồng chéo, trùng lặp giữa kế hoạch kiểm tra với kế hoạch thanh tra; chồng chéo, trùng lặp giữa kế hoạch kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền kiểm tra.

3. Thanh tra tỉnh là cơ quan đầu mối tổng hợp, rà soát, xử lý chồng chéo, trùng lặp kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh. Thông báo bằng văn bản tới cơ quan có thẩm quyền kiểm tra khi kế hoạch kiểm tra có phạm vi, đối tượng chồng chéo, trùng lặp với kế hoạch thanh tra, kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền.

Điều 11. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước trong việc phối hợp tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra

1. Các cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm phối hợp triển khai thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trong quá trình tiến hành hoạt động thanh tra, kiểm tra, trường hợp có sự chồng chéo, trùng lặp trong kế hoạch thanh tra, kiểm tra thì cơ quan tiến hành thanh tra và cơ quan thực hiện kiểm tra phối hợp để xử lý đảm bảo không chồng chéo, trùng lặp và không gây cản trở hoạt động sản xuất kinh doanh hợp pháp của doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

3. Kết quả thanh tra, kiểm tra phải được công khai theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước trong phối hợp xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, ngành nghề tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài

1. Trường hợp phát hiện doanh nghiệp, hộ kinh doanh vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư

nước ngoài, cơ quan quản lý nhà nước quyết định xử phạt theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định xử phạt theo quy định của pháp luật chuyên ngành, đồng thời yêu cầu doanh nghiệp thực hiện đúng quy định về điều kiện kinh doanh.

2. Cơ quan quản lý Nhà nước về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Sở Tài chính trong các trường hợp sau:

a) Thu hồi, rút, đình chỉ giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chứng chỉ hành nghề hoặc các loại văn bản chứng nhận, chấp thuận khác đã cấp cho doanh nghiệp kinh doanh các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài;

b) Đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh các cấp ra Thông báo yêu cầu doanh nghiệp, hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài do không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh các cấp ra Thông báo yêu cầu doanh nghiệp, hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện theo thẩm quyền quản lý, đồng thời gửi cho Ủy ban nhân dân cấp xã.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh đã bị cơ quan đăng ký kinh doanh các cấp thông báo yêu cầu tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài. Trường hợp doanh nghiệp, hộ kinh doanh tiếp tục kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện khi không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý.

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp và văn bản hướng dẫn thi hành theo thẩm quyền tương ứng.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày xác định vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định phải thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh tương ứng.

3. Trường hợp nhận được thông tin về vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận, nếu xét thấy cần thiết phải xác minh thông tin, cơ quan đăng ký kinh doanh trực tiếp kiểm tra theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra. Kết quả xác minh thông tin về vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận phải được thể hiện bằng văn bản. Trách nhiệm cụ thể:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xác minh việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh tại địa bàn quản lý; xác minh doanh nghiệp ngừng hoạt động kinh doanh 01 (một) năm, xác minh hộ kinh doanh không tiến hành hoạt động kinh doanh trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc ngừng hoạt động kinh doanh quá 06 tháng liên tục mà không thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh;

b) Các cơ quan quản lý nhà nước quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 2 của Quy chế này có trách nhiệm xác minh kinh doanh ngành, nghề cấm kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc phạm vi quản lý;

c) Công an tỉnh có trách nhiệm xác minh nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh là giả mạo, trả lời bằng văn bản về kết quả xác định theo đề nghị của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị; xử lý các vi phạm của cá nhân, tổ chức theo thẩm quyền và quy định của pháp luật;

d) Cơ quan, tổ chức quản lý người thành lập doanh nghiệp thuộc đối tượng bị cấm thành lập doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp có trách nhiệm xác minh lý lịch của người thành lập doanh nghiệp đó.

4. Khi nhận được văn bản của cơ quan quản lý nhà nước xác định vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận, cơ quan đăng ký kinh doanh thu hồi giấy chứng nhận theo quy định, đồng thời thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước đã có yêu cầu thu hồi và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi doanh nghiệp, hộ kinh doanh đăng ký địa chỉ trụ sở. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kiểm tra, xử lý nếu doanh nghiệp, hộ kinh doanh tiếp tục hoạt động sau khi đã bị thu hồi giấy chứng nhận.

Chương IV

BÁO CÁO VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH SAU ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP

Điều 14. Nội dung báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập

1. Tình hình công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập.

2. Tình hình thực hiện phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước về các nội dung sau:

- a) Trao đổi, cung cấp và công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh;
- b) Thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh;
- c) Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;
- d) Xử lý vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện;
- đ) Các nội dung khác (nếu có) quy định tại Quy chế này.

Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước trong báo cáo về công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Các cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Tài chính và Thanh tra tỉnh) tình hình thực hiện về các nội dung phối hợp trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh quy định tại Quy chế này.

2. Sở Tài chính là đầu mối tổng hợp tình hình thực hiện nội dung phối hợp quy định tại các điểm a, c, d, đ khoản 2 Điều 14 Quy chế này.

3. Thanh tra tỉnh là đầu mối tổng hợp tình hình thực hiện nội dung phối hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 Quy chế này.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về doanh nghiệp, hộ kinh doanh và quy chế này được xem xét tuyên dương, khen thưởng theo quy định hiện hành.

2. Tổ chức, cá nhân có vi phạm pháp luật, làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh hợp pháp của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 17. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước

1. Các cơ quan quản lý nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện để các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các Hội và Hiệp hội doanh nghiệp thuộc tỉnh thực hiện việc vận động, hướng dẫn các doanh nghiệp tự giác chấp hành các quy định của pháp luật; tham gia, đề xuất với các cơ quan Nhà nước những biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh; tổ chức đánh giá, bình chọn và khen thưởng doanh nghiệp tiêu biểu trên địa bàn tỉnh.

2. Các cơ quan quản lý nhà nước căn cứ vào các nội dung phối hợp được quy định trong Quy chế này, chủ động tổ chức phối hợp và triển khai thực hiện có hiệu quả. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

3. Sở Tài chính là cơ quan đầu mối, đôn đốc, theo dõi tình hình triển khai thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung Quy chế để đảm bảo quy định và phù hợp với tình hình thực tế./.